

MỤC LỤC

	Trang
Mục mục	2
Lời mở đầu	3
Vài hướng dẫn tổng quát	4 - 6
Bài học 1: chữ A – Số 1	7 - 10
Bài học 2: chữ B – Số 2	11 - 14
Bài học 3: chữ C – Số 3	15 - 18
Bài học 4: chữ D – Số 4	19 - 22
Bài học 5: chữ Đ – Số 5	23 - 26
Bài học 6: chữ E, Ê	27 - 31
Bài học 7: chữ G, H – Số 6	32 - 37
Bài học 8: dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng – Số 7	38 - 42
Bài học 9: chữ I, K – Số 8	43 - 48
Bài học 10: chữ L, M – Số 9	49 - 54
Bài học 11: chữ N, O – Số 10	55 - 60
Bài học 12: chữ Ô, Ơ – Số 11	61 - 66
Bài học 13: chữ U, Ư – Số 12	67 - 71
Bài học 14: chữ R, S	72 - 78
Bài học 15: chữ T, V	79 - 85
Bài học 16: chữ P, PH, Q, QU	86 - 93
Bài học 17: chữ Ằ, Ẵ	94 - 97
Bài học 18: chữ X, Y	98 - 103

Lời Mở Đầu

Bảo tồn tiếng Việt luôn luôn là mối ưu tư cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Bảo tồn tiếng Việt không chỉ là bảo tồn một thứ ngôn ngữ mà là bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Đặt căn bản trên tinh thần đó, ban biên soạn xin giới thiệu với quý thầy cô dạy Việt ngữ khắp nơi và quý vị phụ huynh một bộ sách Việt ngữ, để mong đóng góp phần nào vào công việc dạy ngôn ngữ và các giá trị của văn hóa Việt Nam cho con em chúng ta ở hải ngoại.

Bộ sách được viết dựa trên các nguyên tắc tổng quát như sau:

1. Dành cho các em học sinh sinh trưởng trong gia đình Việt Nam ở hải ngoại với tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai.

2. Những bài học mang nội dung giới thiệu văn hóa Việt Nam, kiến thức tổng quát thích ứng với sự suy nghĩ và sinh hoạt của các em hải ngoại và xây dựng một nguồn ngữ vựng phong phú giúp cho các em tiến triển hơn trong việc nói và viết tiếng Việt.

4. Tiến trình dạy học của bộ sách đi từ dễ tới khó. Phương pháp áp dụng là lặp đi lặp lại nhiều lần. Khi hoàn tất chương trình học, học sinh có thể đọc sách, báo, và viết được một bài văn trung bình.

5. Các bài tập đọc từ lớp 1 trở lên dựa trên những chủ đề về lịch sử, đạo đức, quê hương và kiến thức tổng quát.

6. Để giúp cho thầy cô đỡ mất thì giờ. Ban biên soạn đã soạn sẵn bài kiểm và bài thi. Sau mỗi 3 bài học thì có 1 bài kiểm. Sau nửa số bài của quyển sách có 1 bài thi. Tất cả được đặt ở phần cuối quyển sách.

Mục đích chính của chúng tôi khi soạn bộ sách này là để góp phần vào công việc dạy Việt ngữ ở hải ngoại. Vì vậy, ban biên soạn không giữ lại bản quyền mà chỉ mong bộ sách được nhiều trường học dùng. Nếu bộ sách có những sai sót thì xin thứ lỗi và cho chúng tôi biết để sửa chữa.

Trân trọng,

Ban biên soạn

Trần Văn Minh

Đinh Ngọc Thu

Orange County, California – tháng 9, 2012

Mọi thắc mắc hay ý kiến xin gửi về điện thư: tranvminh77@gmail.com

Vài hướng dẫn tổng quát

Hướng dẫn phát âm và đánh vần

Mỗi mẫu tự tiếng Việt gồm có tên để đánh vần và âm để đọc:

1. Tên (name): a, bê, xê, dê, đê...
2. Âm (sound),(syllable): a, bờ, cờ, dờ, đờ...

Ngay từ bước đầu, thầy cô giáo cần dạy các em phân biệt rõ:

Cách đánh vần(spell) và **cách phát âm**(pronounce)

Đánh vần đúng sẽ viết chính tả đúng, phát âm đúng sẽ đọc đúng.

Dạy phát âm và đánh vần là bước quan trọng nhất trong việc dạy tiếng Việt. Hai phần này phải được dạy song song với nhau và không nên bỏ sót phần nào.

Mẫu tự tiếng việt	Đánh vần để viết chính tả (spell to write)	Phát âm để tập đọc (Pronounce to read)
17 PHỤ ÂM ĐƠN	Đánh vần và phát âm khác nhau	
B	bê	bờ
C	xê	cờ (kờ)
D	dê	dờ
Đ	đê	đờ
G	giê	gờ
H	hát	hờ
K	ka	cờ (kờ)
L	e-lờ	lờ
M	em-mờ	mờ
N	en-nờ	nờ
P	pê	pờ
Q	cu	quờ
R	e-rờ	rờ
S	ét-sờ	sờ
T	tê	tờ
V	vê	vờ
X	ít-xờ	xờ
12 NGUYÊN ÂM	Đánh vần và phát âm giống nhau	
A	a	a

Ă	á	á
Â	ơ	ơ
E	e	e
Ê	ê	ê
I	i	i
O	o	o
Ô	ô	ô
Ơ	ơ	ơ
U	u	u
Ư	ư	ư
Y	i-cờ-rết	i...
11 PHỤ ÂM GHÉP		
Ch	xê hát	chờ
Gi	giê-i	giờ
Kh	ka-hát	khờ
Ng	en-giê	ngờ
Ngh	en-giê-hát	ngờ
Gh	giê-hát	gờ
Nh	en-hát	nhờ
Ph	pê-hát	phờ
Qu	cu-u	quờ
Th	tê-hát	thờ
Tr	tê-e-rờ	trờ
RÁP VẦN		
Ba	bê-a ba	bờ-a ba
Mẹ	em-mờ-e-me nặng mẹ	mờ-e-me nặng mẹ
Chị	xê-hát-i-chi nặng chị	chờ-i-chi nặng chị
Thầy	tê-hát-ơ-i-cà-rết-thầy huyền thầy	ơ-i-cà-rết-ây, thờ-ây-thầy-huyền thầy
Khỏe	ka-hát-o-e khoe hỏi khỏe	o-e-oe, khờ-oe-khoe hỏi khỏe
Viết	vê-i-ê-tê-viết nặng viết	i-ê-tờ-iết, vờ-iết-viết nặng viết
Ngoan	en-giê-o-a-en-oan, ngoan	o-a-nờ-oan, ngờ-oan ngoan
Ngoào	en-giê-o-e-o-eo huyền ngoào	o-e-o-oeo, ngờ-oeo-ngoeo huyền ngoào
Khuy	ka-hát-u-i-cờ-rết-uy khuy	u-i...uy, khờ-uy khuy

Khuynh	ka-hát-u-i-cờ-rết-en-hát-uynh khuyh	u-i...nhờ uynh,khờ-uynh khuyh
Khuyên	ka-hát-u-i-cờ-rết-ê-en-uyên khuyên	u-i...ê-nờ-uyên,khờ-uyên khuyên
Giỏ	Giê-i-o hỏi giỏ	giờ-o gio hỏi giỏ
Giảng	Giê-i-a-en-giê-giang hỏi giảng	a-ngờ-ang , giờ-ang giang hỏi giảng
Gìn	Giê-i-en-gin huyền gìn	giờ-in-gin huyền gìn
Quả	cu-u-a hỏi quả	quờ-a-quà hỏi quả
Quần	cu-u-ô-en-quân sắc quần	ô-nờ-ân , quờ-ân-quân sắc quần

Những vần cần ghi nhớ:

Vần **NG** phải thêm chữ **H** khi được ghép với:

- Ba nguyên âm đơn: **e, ê, i** (nghe, nghe, nghĩ...)
- Năm nguyên âm ghép: **eo, êu, ia, iêu, iu** (nghèo, nghiêu, nghĩa, nghiêu, nghiu)
- Năm chữ: **iêm, iên, iêng, ênh, inh** (nghiêm, nghiên, nghiêng, ngênh, nghinh)

Chữ **G** khi ghép với ba nguyên âm đơn: **e, ê, i** phải thêm chữ **H** (ghe, ghê,ghế, ghi...)

Chữ **Q** không đứng riêng một mình mà luôn được ghép với **u** = qu (quê, qua, quen...)

Chữ **P** không đứng riêng một mình mà luôn được ghép với **h** = ph (phở, phương,phi...)

Hướng dẫn về cách dạy lớp Vỗ Lòng

Chương trình dạy Việt ngữ ở các trường Việt ngữ cuối tuần thông thường bắt đầu từ 7 tuổi; khi học sinh đã xong lớp mẫu giáo ở trường tiểu học và các em đã nhận diện và biết viết các mẫu tự. Sách lớp vỗ lòng được viết vì nhu cầu của một số trường muốn nhận học sinh từ 5 hay 6 tuổi. Ở cỡ tuổi này, các em chưa biết viết cũng như nhiều em chưa đi học lớp vườn trẻ. Vì thế việc dạy lớp vỗ lòng có hơi khác lớp mẫu giáo ở chỗ vẫn học các mẫu tự, nhưng chỉ tập đọc tên và tập viết mẫu tự mà không học đánh vần. Mục đích chính của lớp vỗ lòng là để học sinh biết tên và viết được 29 mẫu tự. Ngoài ra, những kiến thức phụ thuộc khác như về màu sắc và con số chỉ để các em nhận biết chứ không nhất thiết phải biết viết các ngữ vựng đó.

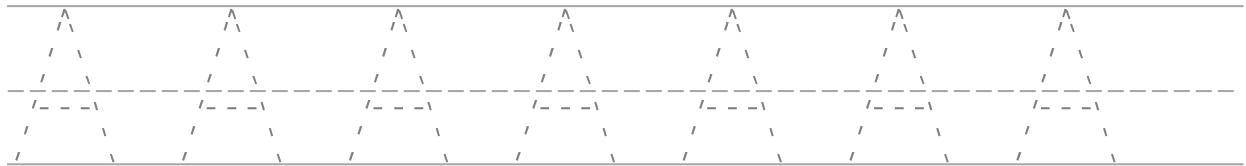
Học sinh cỡ 5, 6 tuổi chỉ có khoảng thời gian chú tâm không quá 15 phút. Vì thế các sinh hoạt trong lớp nên có thêm những việc làm khác để giúp các em không chán nản. Trong giới hạn của sách giáo khoa, chúng tôi chỉ cung cấp các dữ liệu về việc dạy tiếng Việt. Quý thầy cô có thể tìm thêm những tài liệu riêng tùy theo nhu cầu.

Ban biên soạn

Bài học 1

A a

A. Tập viết

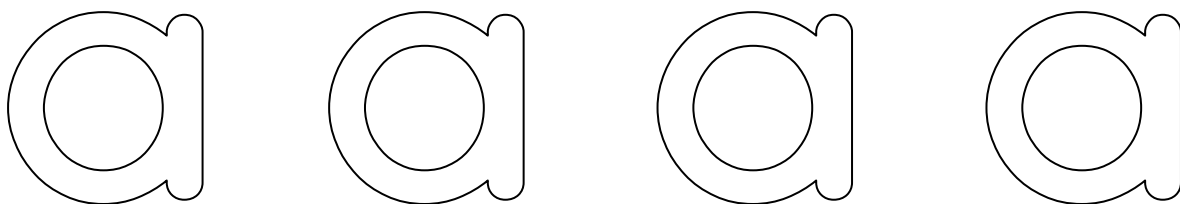
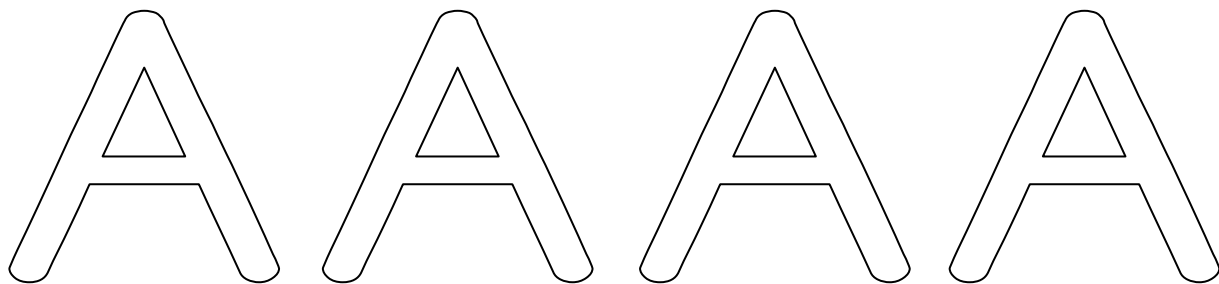


Three sets of empty three-line grids (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent writing practice of uppercase letter 'A'.



Two sets of empty three-line grids (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent writing practice of lowercase letter 'a'.

B. Tô màu lên chữ A và a



C. Đồ lên chữ A và a

Anh

Hai

An

Cha

Ba

Ca

La

bao

D. Tập đọc

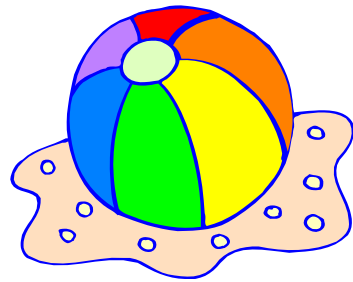
Đọc tên những hình sau đây:



ma



ba



banh



la



ca

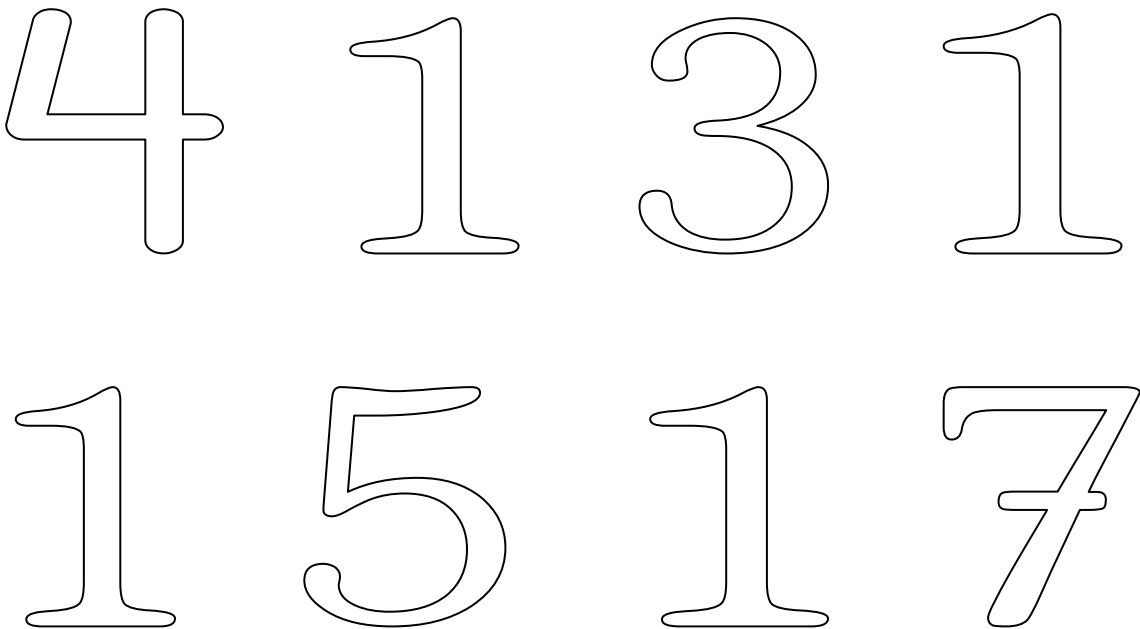


anh

Đ. Tập viết số 1

số một

E. Tô màu lên số 1



Bài học 2

B b

A. Tập viết

B B B B B B B B B

b b b b b b b b b

B. Tô màu lên chữ B và b

B B B B B

b b b b b

C. Đồ lên chữ B và b

Bà

Bánh

Bác

bạn

Bò

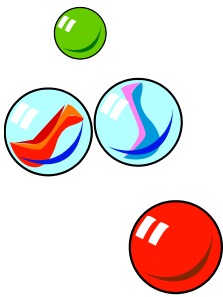
bé

bồ

bi

D. Tập đọc

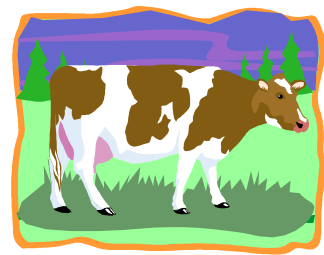
Đọc tên những hình sau đây:



bi



bánh



bò



bạn



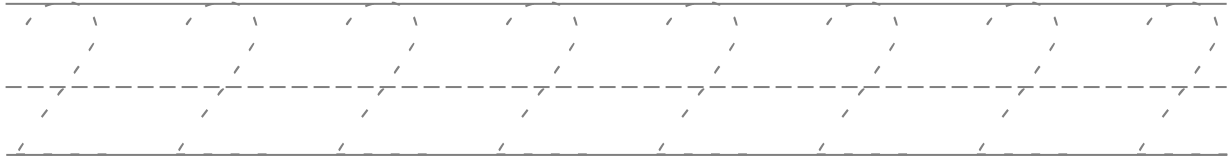
bé



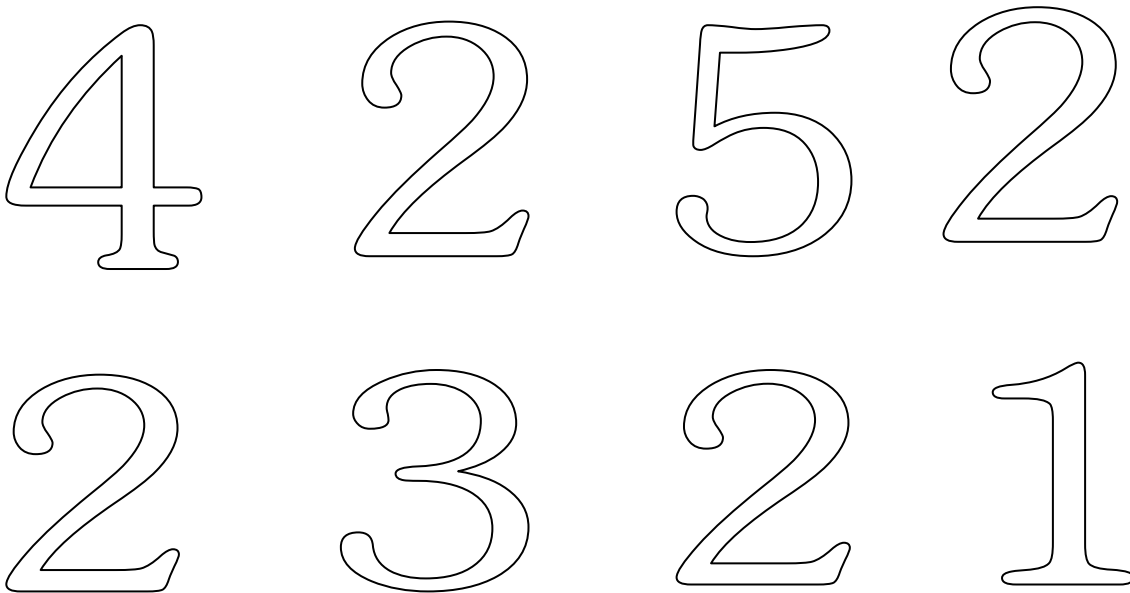
bà

Đ. Tập viết số 2

số hai



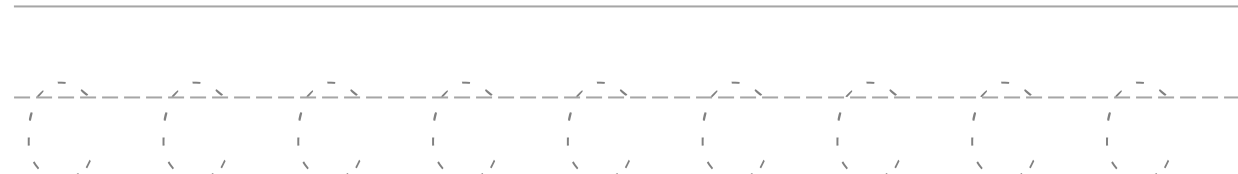
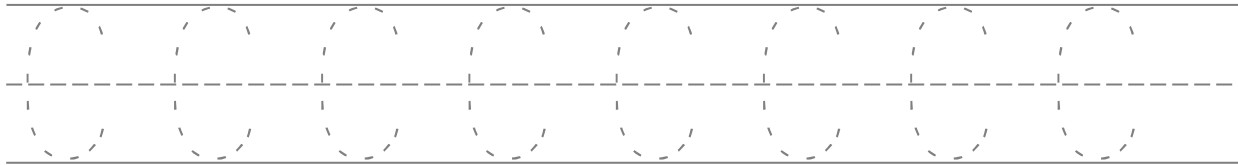
E. Tô màu lên số 2



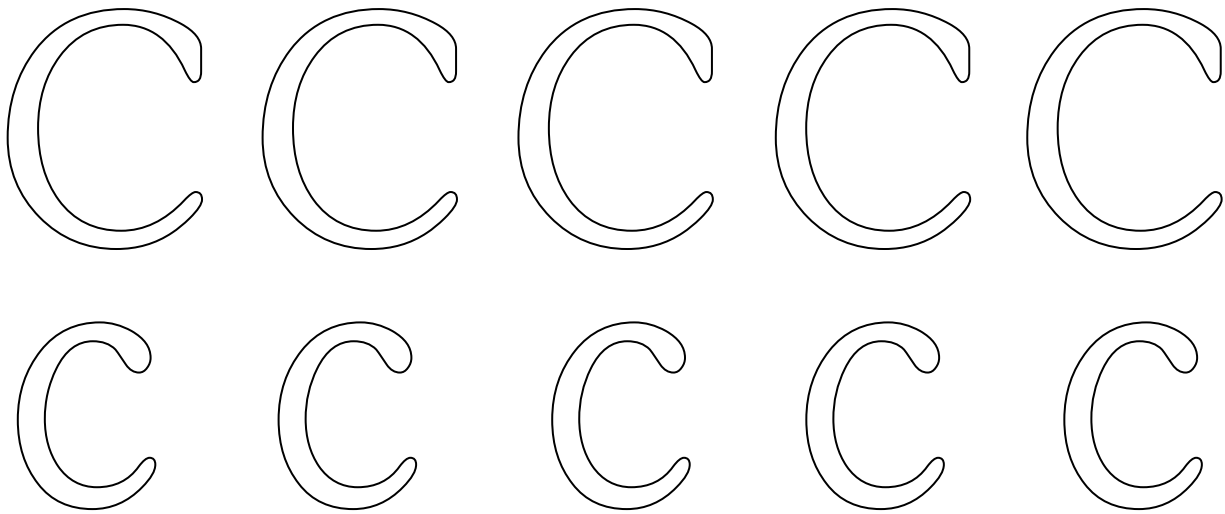
Bài học 3

C c

A. Tập viết



B. Tô màu lên chữ C và c

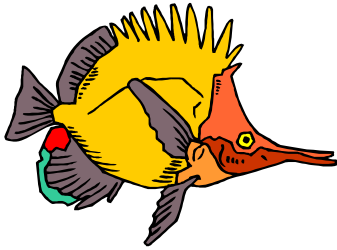


C. Đồ lên chữ C



D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



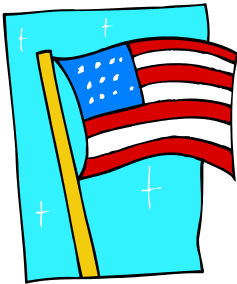
cá



cua



cô



cờ



cụ



cú

D. Tập viết số 3

số ba

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

E. Tô màu lên số 3

4 3 2 3

3 5 3 1

Bài học 4

D d

A. Tập viết

D D D D D D D D D

d d d d d d d d d

B. Tô màu lên chữ D và d

D D D D D

d d d d d

C. Điền lên chữ D và d

Dế

dép

Dê

dù

Dâu

dao

Dưa

dây

D. Tập đọc

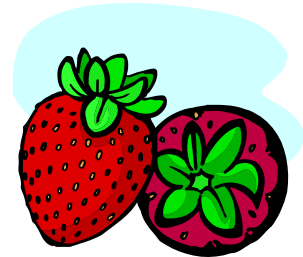
Đọc tên những hình sau đây:



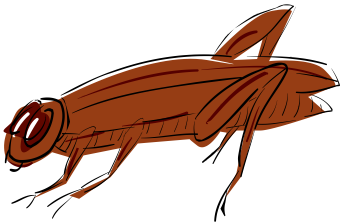
dù



dao



dâu



đế



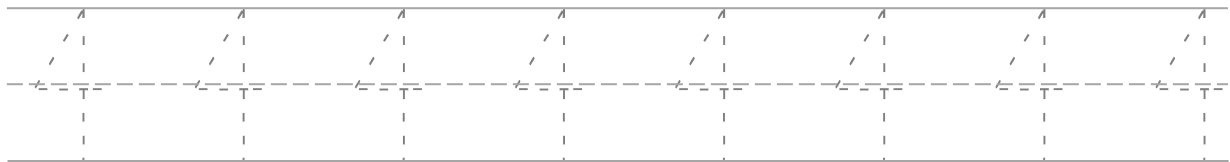
đê



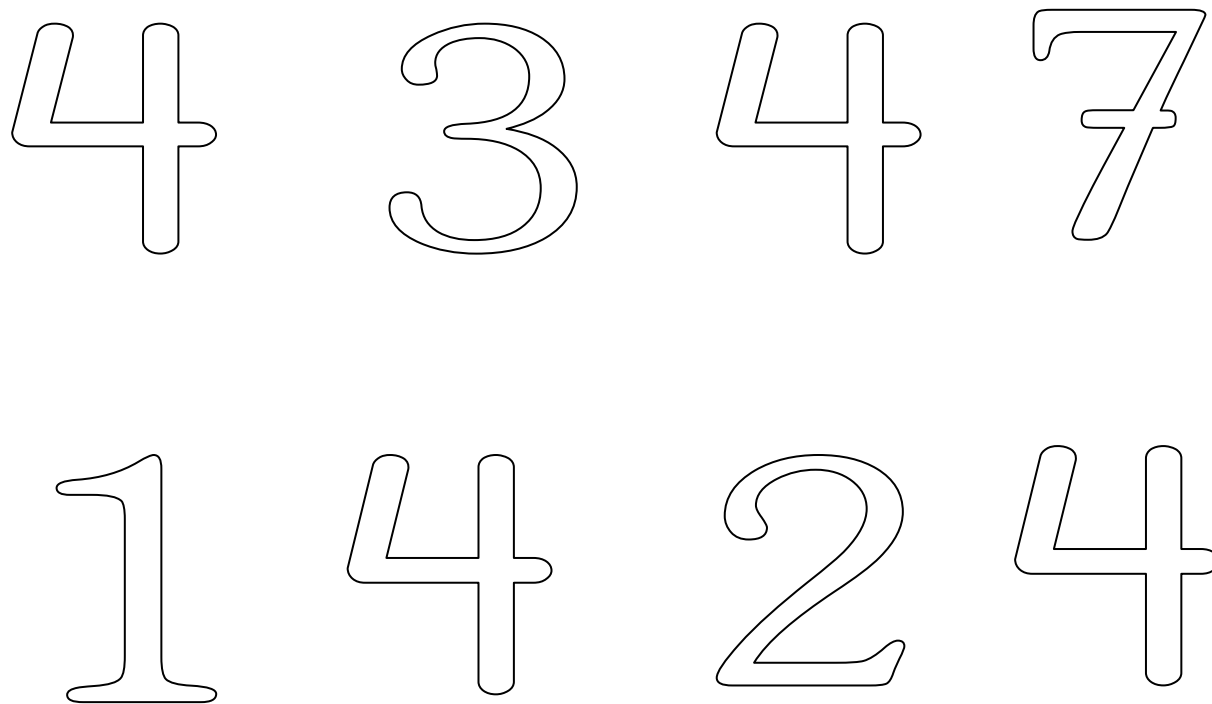
dép

D. Tập viết số 4

số bốn



E. Tô màu lên số 4



Bài học 5

Đ đ

A. Tập viết

Đ Đ Đ Đ Đ Đ Đ Đ

Handwriting practice lines for uppercase 'Đ'. The first row is pre-filled with the letter 'Đ' on a three-line grid. Below it are two empty rows of the same grid for practice.

đ đ đ đ đ đ đ đ

Handwriting practice lines for lowercase 'đ'. The first row is pre-filled with the letter 'đ' on a three-line grid. Below it are two empty rows of the same grid for practice.

B. Tô màu lên chữ Đ và đ

Đ Đ Đ Đ Đ

đ đ đ đ đ

C. Đồ lên chữ Đ và đ

Đinh

đào

Đá

đầu

Đi

đèn

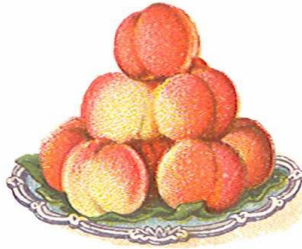
Đàn

đỏ

Đọc tên những hình sau đây:



đá

đi

đào

đỏ

số năm

E. Tô màu lên số 5

5

3

5

6

2

5

4

5

5

1

5

8

Bài học 6

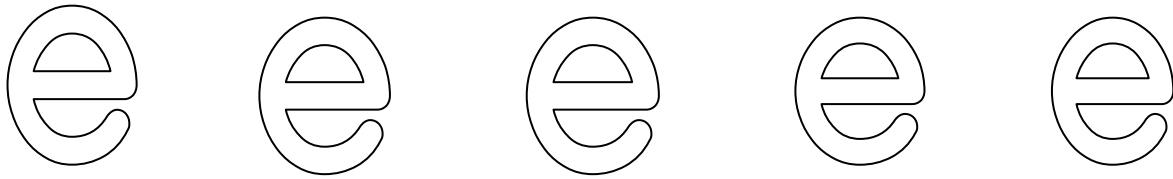
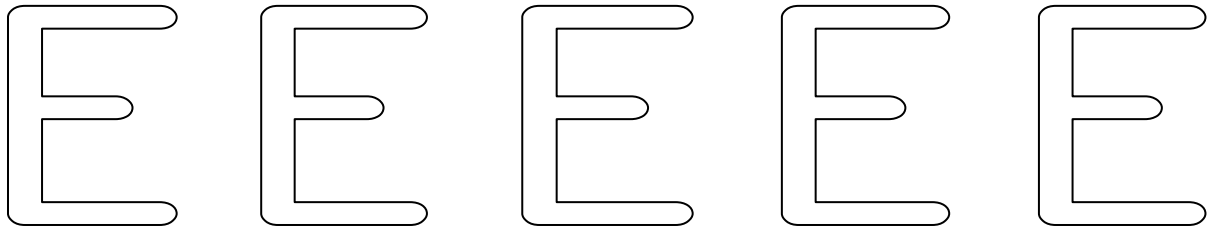
E e Ê ê

A. Tập viết

E E E E E E E E E

e e e e e e e e e

B. Tô màu lên chữ E và e



C. Đồ lên chữ E và e

Em

Heo

Xe

Tem

Ve

Kem

Kéo

Mèo

D. Tập đọc

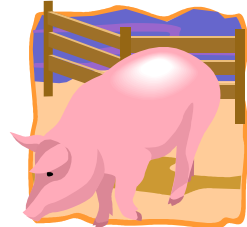
Đọc tên những hình sau đây:



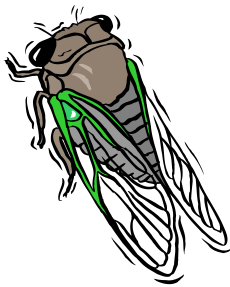
kéo



xe



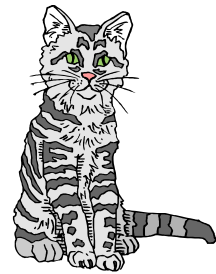
heo



ve



kem



mèo

eee

Đ. Tập viết

Ê Ê Ê Ê Ê Ê Ê

ê ê ê ê ê ê ê ê ê

E. Tô màu lên chữ Ê và ê

Ê Ê Ê Ê Ê

ê ê ê ê ê

G. Đồ lên chữ Ê và ê

Lê

Mền

Ếch

Tết

Sên

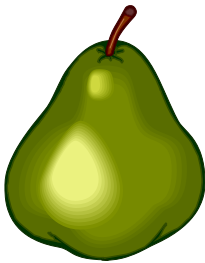
Kệ

Tên

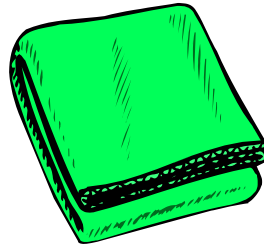
Hề

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



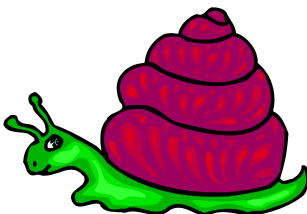
lê



mền



ếch



sên



tên



hề

Bài học 7

G g

H h

A. Tập viết

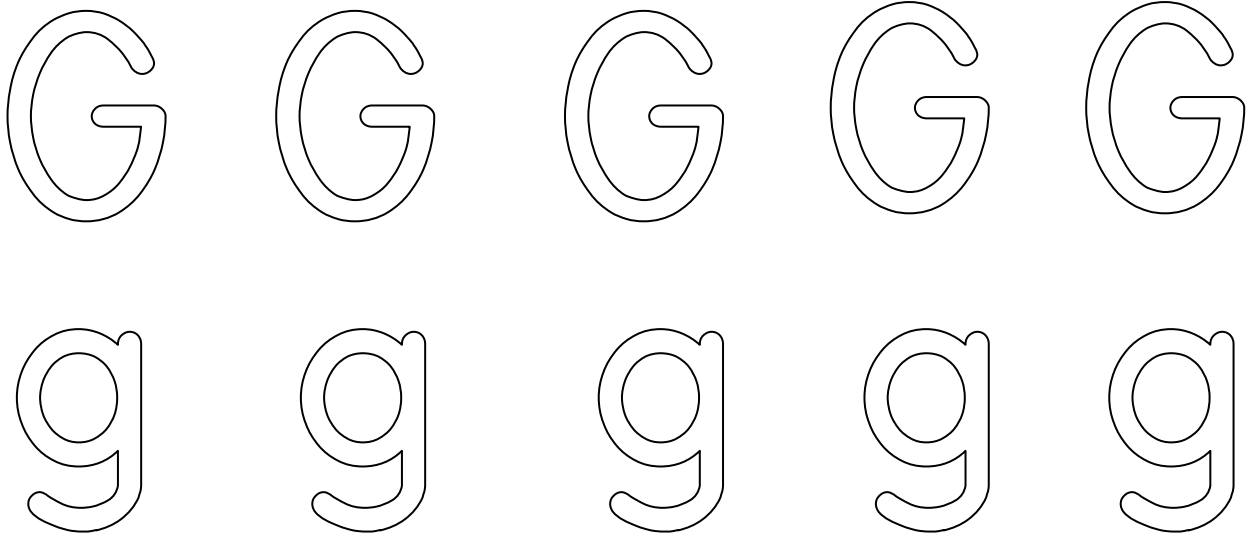
G G G G G G G G

Handwriting practice lines for uppercase 'G'. The first row is pre-filled with eight dashed 'G' characters for tracing. Below it are two sets of empty three-line guides (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.

G G G G G G G G

Handwriting practice lines for uppercase 'G'. The first row is pre-filled with eight dashed 'G' characters for tracing. Below it are two sets of empty three-line guides (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.

B. Tô màu lên chữ G và g



C. Đồ lên chữ G và g

Ghế

Gà

Giun

Ghe

Giờ

Ngủ

Gỗ

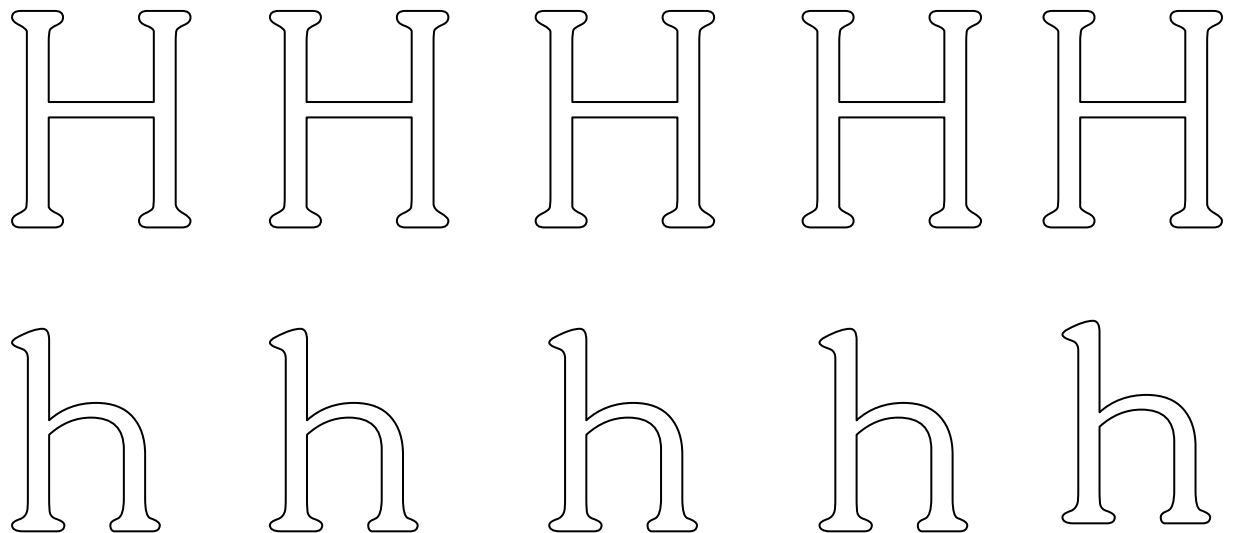
Ngựa

Đọc tên những hình sau đây:

[illegible]

Handwriting practice lines consisting of solid top and bottom lines with a dashed middle line. The first row contains a series of dashed uppercase 'H' characters for tracing. Below this are two more empty rows of the same line format for independent practice.

E. Tô màu lên chữ H và h



G. Đố lên chữ H và h

Hổ

Nhà

Hồ

Chó

Hoa

Chanh

Hình

Chị

H. Tập đọc

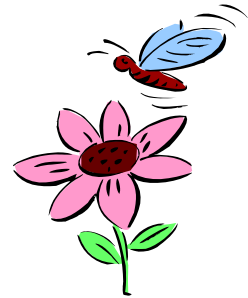
Đọc tên những hình sau đây:



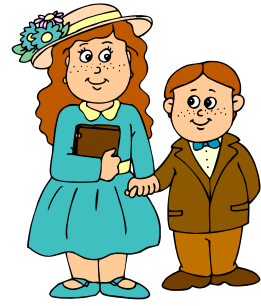
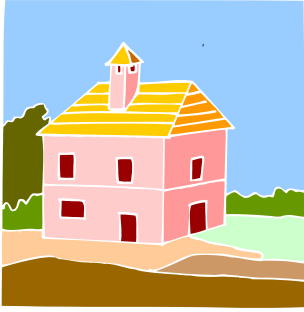
hổ



hồ



hoa



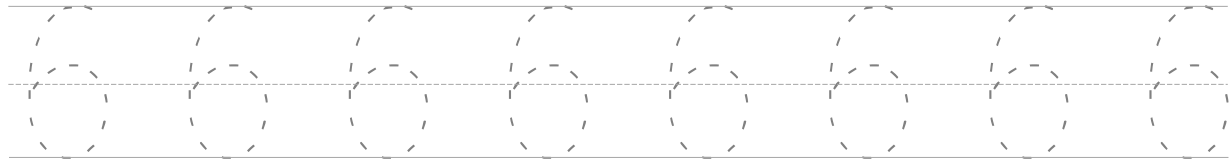
nhà

chó

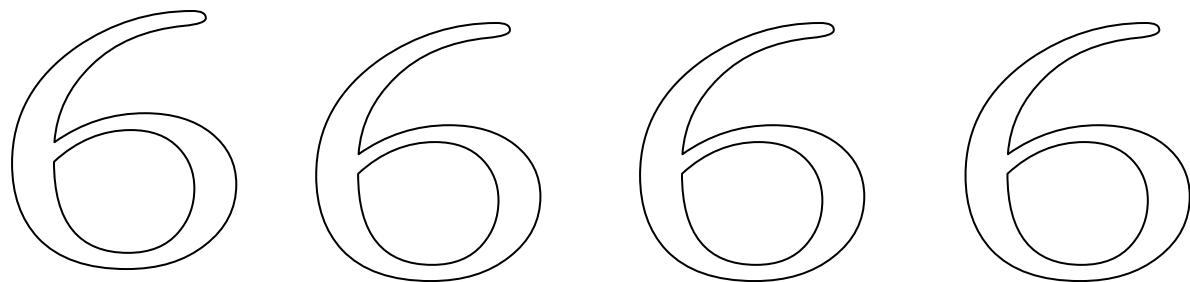
chị

I. Tập viết số 6

số sáu



K. Tô màu lên số 6



Á

À

Ả

Ã

Ạ

A. Tập viết

Á

À

Ả

Ã

Ạ

É

È

Ê

Ê

Ê

Ề

Ề

Ề

Ề

Ề

B. Tô màu lên những chữ sau

Ề

Ề

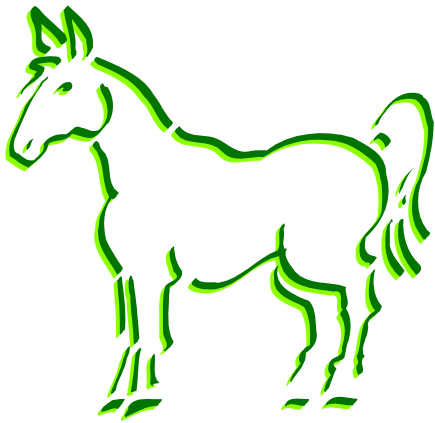
Ề

Ề

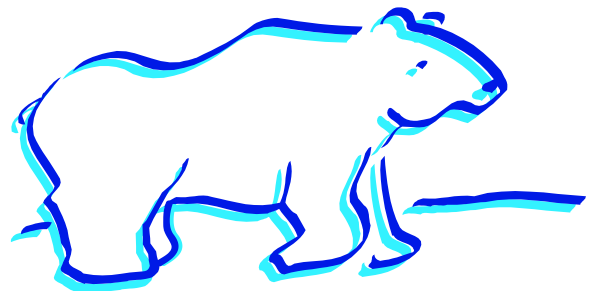
Ề

á à ả ã ạ

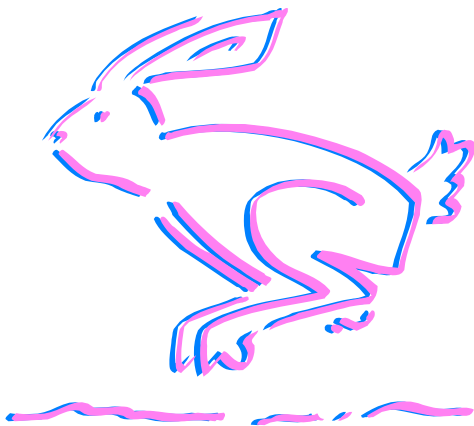
C. Đọc tên và tô màu những hình sau đây:



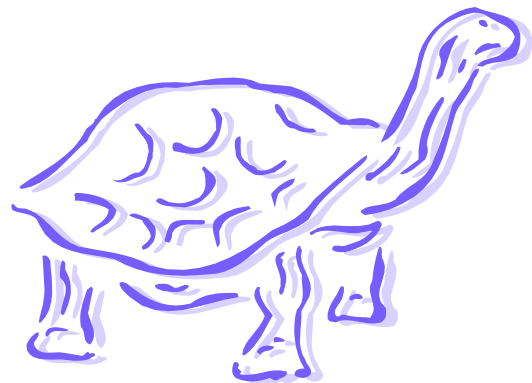
ngựa



gấu



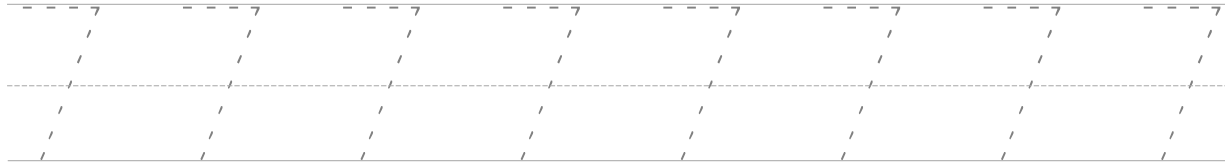
thỏ



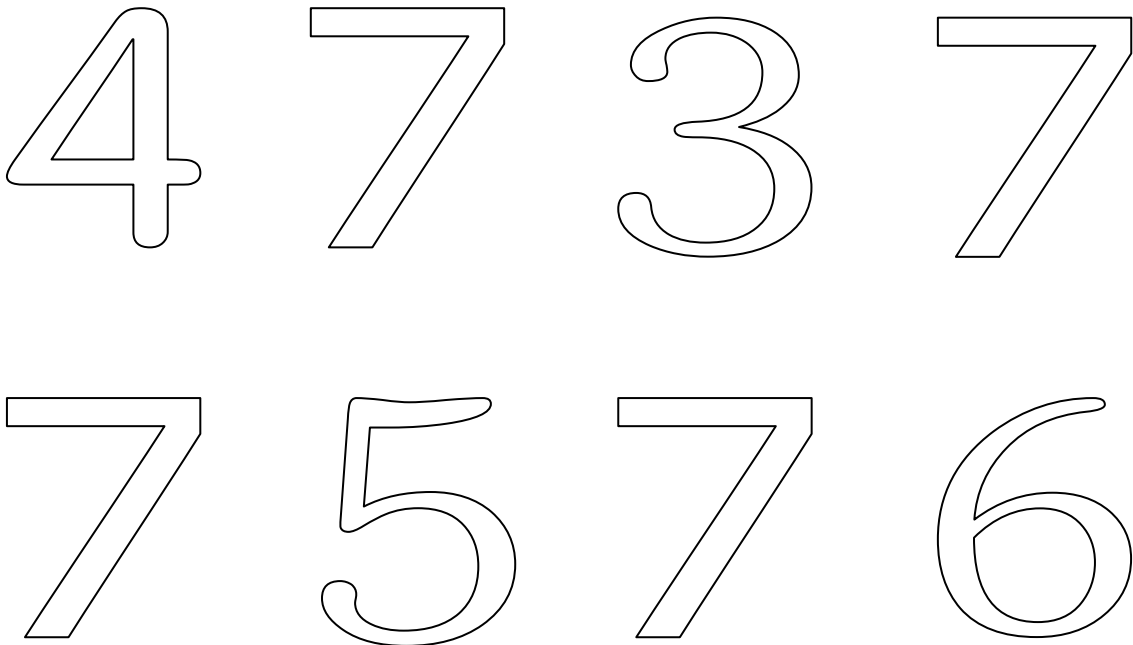
rùa

D. Tập viết số 7

số bảy



Đ. Tô màu lên số 7

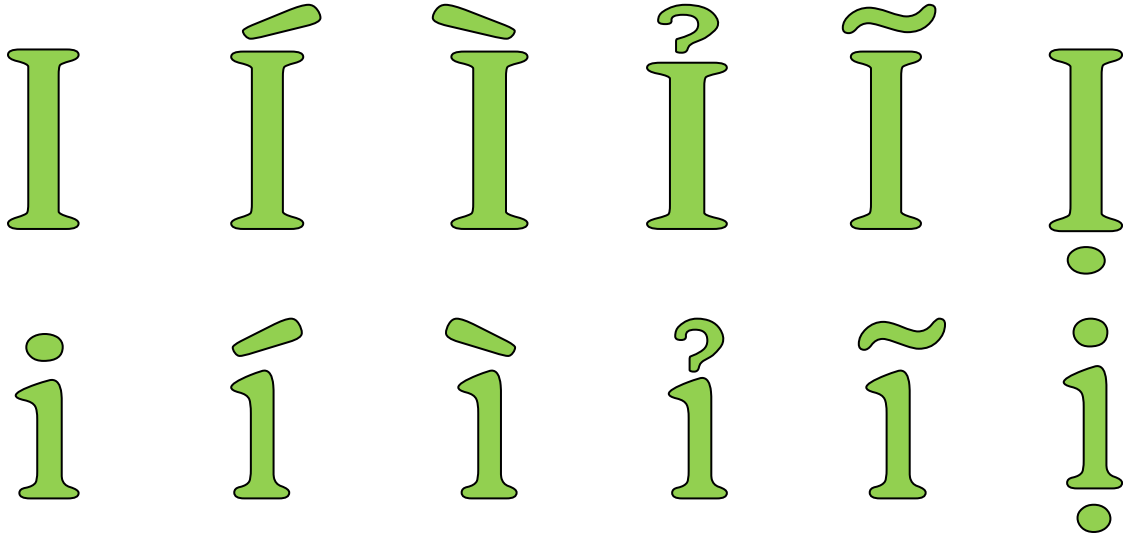


Bài học 9

I i K k

A. Tập viết

B. Tập đọc



C. Tập viết

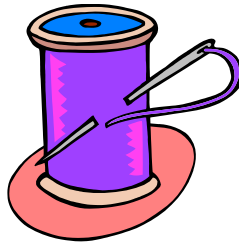
Handwriting practice lines for uppercase letters. Each letter is shown on a set of three horizontal lines (top, middle dashed, and bottom). The letters are I, Ì, and Î. The letter I is shown in a light gray color, while the others are in a darker gray color.

ĩ

i

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

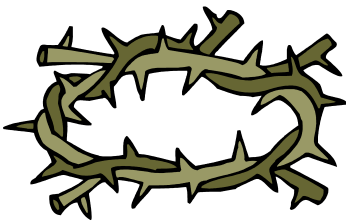
bị



chỉ

2

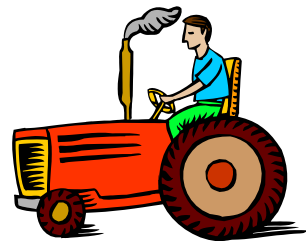
hai



gai

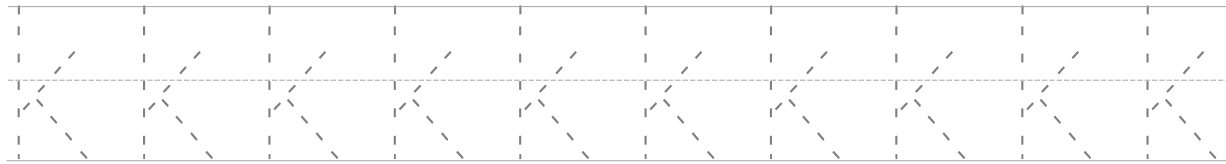
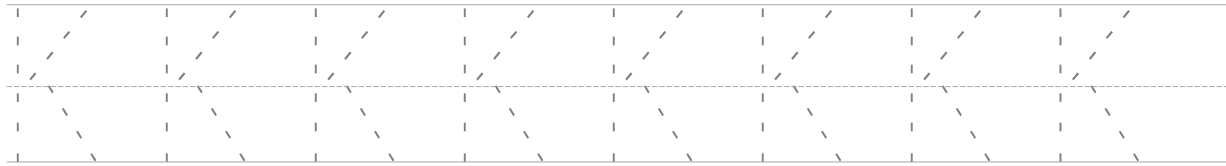


chải



lái

Đ. Tập viết



E. Tập đọc

Kì Kí Kì Kỉ Kĩ Kị

G. Tập viết

kí

kì

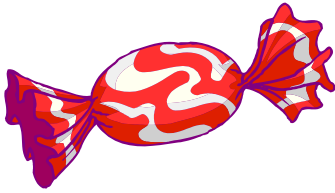
kỉ

kĩ

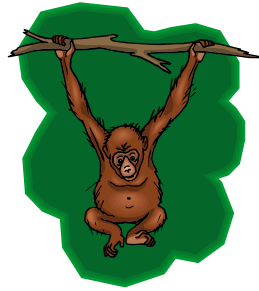
kị

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



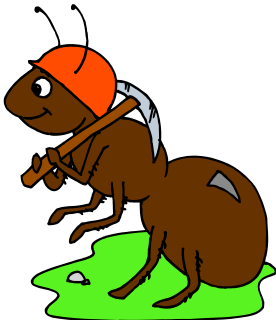
kẹo



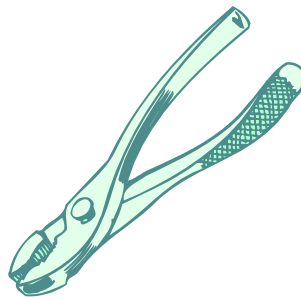
khỉ



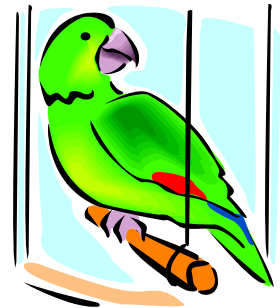
kèn



kiến



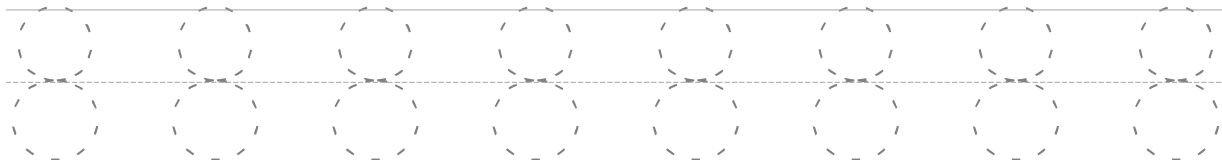
kìm



két

I. Tập viết số 8

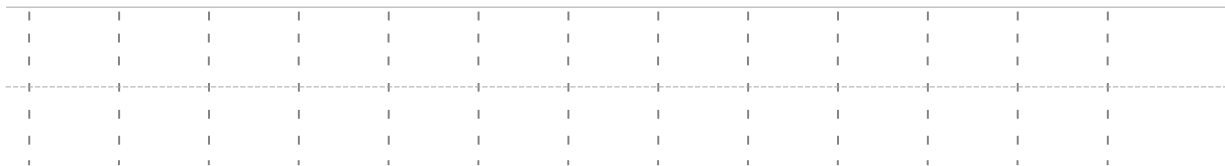
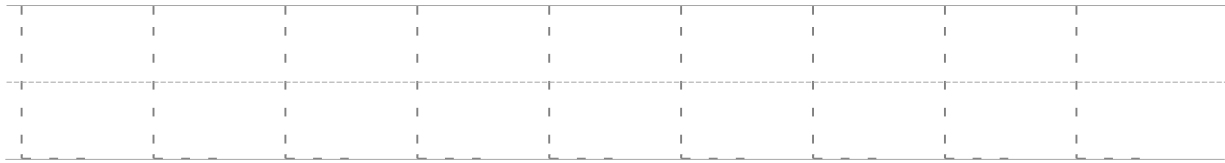
số tám



L l

M m

A. Tập viết



B. Tập đọc

Là Lá Là lả lã lạ

C. Tập viết

lá

là

lả

lã

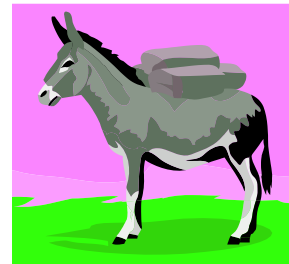
lạ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

lá



lính



lừa



lọ

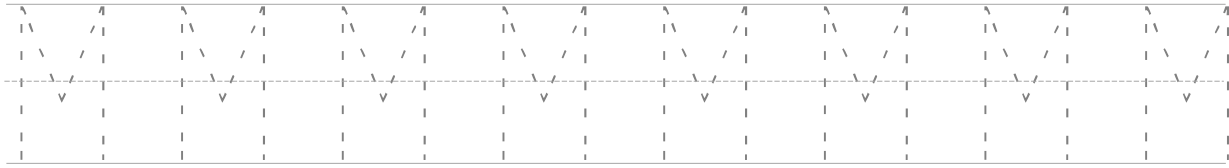


lông

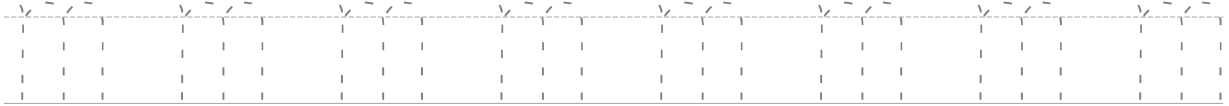


lạnh

Đ. Tập viết



Three sets of primary writing lines (solid top, dashed middle, solid bottom) for independent handwriting practice.



Three sets of primary writing lines (solid top, dashed middle, solid bottom) for independent handwriting practice.



E. Tập đọc

Me

Mé

Mè

mẻ

mẽ

mẹ

G. Tập viết

mé

mè

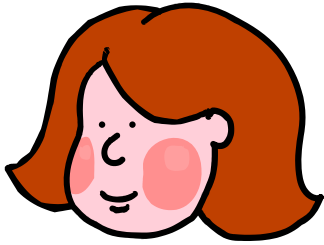
mẻ

mẽ

mẹ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



má



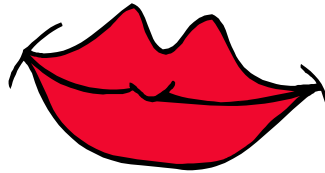
mắt



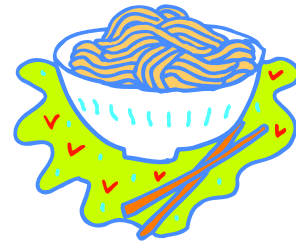
mũi



mặt



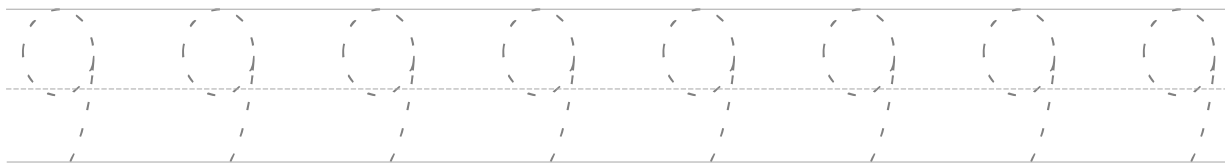
môi



mì

I. Tập viết số 9

số chín



N n O o

A. Tập viết

N N N N N N N N N N N N N N N N

O O O O O O O O O O O O O O O O

B. Tập đọc

Na Ná Nè nẻ nã nị

C. Tập viết

ná

nè

nẻ

nã

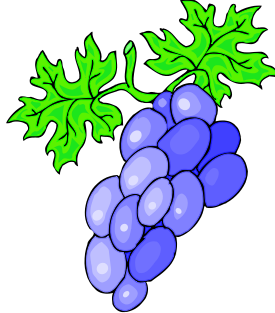
nị

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



nai



nho



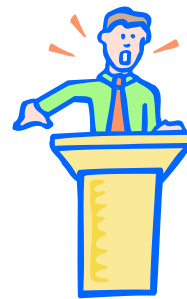
nồi



ngã



nóng



nói

Đ. Tập viết

Tracing practice lines for the letter 'o'. The first row contains eight dashed 'o' characters for tracing. Below this are two more rows of solid lines for independent writing practice.

o o o o o o o o

E. Tập đọc

nó nó cò cỏ gỗ gọ

G. Tập viết

nó

cò

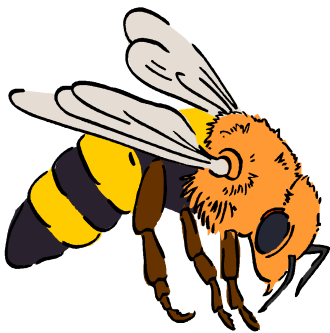
cỏ

gỗ

gọ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



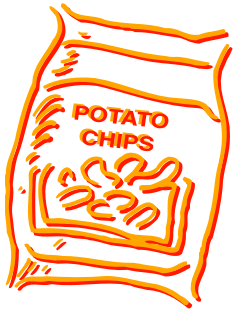
ong



cò



loa



gói



còi

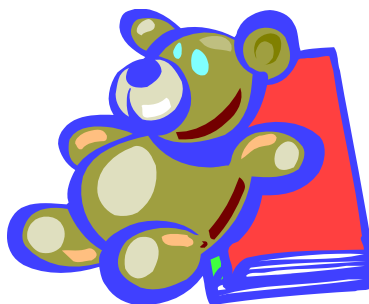


đói

I. Tập viết số 10

số mười

10 10 10 10



Ô

ô

Ơ

ơ

A. Tập viết

Ô

ô

B. Tập đọc

ô ố ồ ỏ ỗ ộ

Bô Bố Bồ bổ bỗ bộ

C. Tập viết

bô

bô

bổ

bổ

bộ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



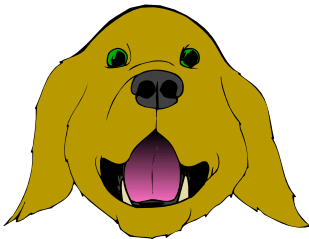
cổ



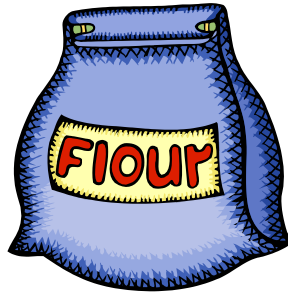
lỗ



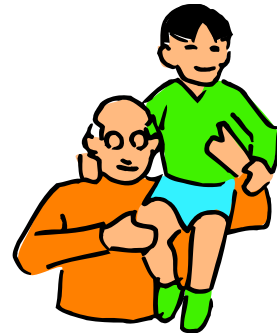
ôm



mồm



bột



ông

Đ. Tập viết

Ơ

Ơ

E. Tập đọc

Ơ ớ ờ ỏ ỡ ợ

ơ ớ ờ ỏ ỡ ợ

G. Tập viết

ơ

ờ

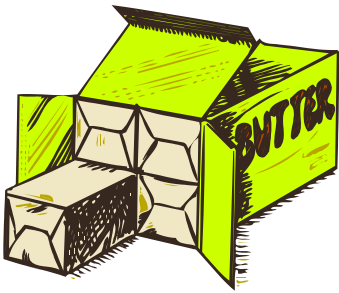
ỏ

đỡ

đợ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



bơ



cờ



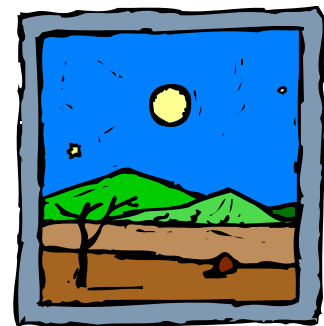
nơ



mở



chờ



trời

I. Tập viết số 11

mười một

Handwriting practice lines for the number 11. The first row contains eight dashed '11's for tracing. Below are two sets of empty three-line guides (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.



U u ư ư

A. Tập viết

U u U u U u U u U u U u U u U u

U u U u U u U u U u U u U u U u

Handwriting practice lines consisting of two sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

U

Handwriting practice lines consisting of two sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

ư

Handwriting practice lines consisting of two sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).



B. Tập đọc

U Ú Ù Ủ Û Ụ

hư hứ hù cử cữ cự

C. Tập viết

hứ

hù

cử

cữ

cự

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



chú



đu đủ



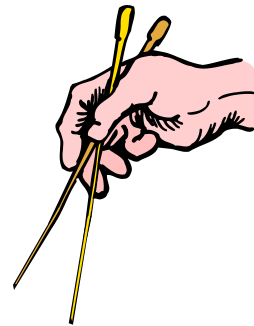
hũ



núi



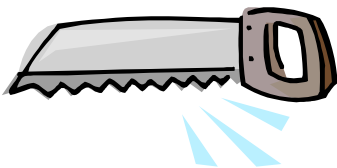
bụng



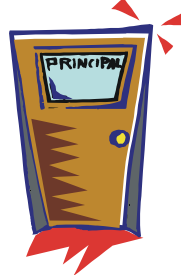
đũa

D. Tập đọc

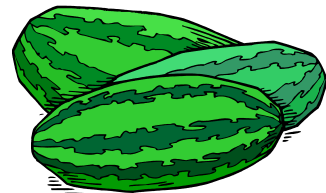
Đọc tên những hình sau đây:



cưa



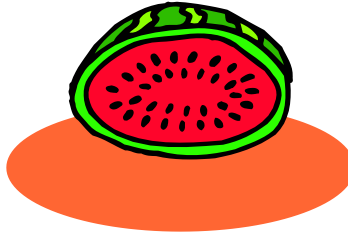
cửa



dưa



mưa



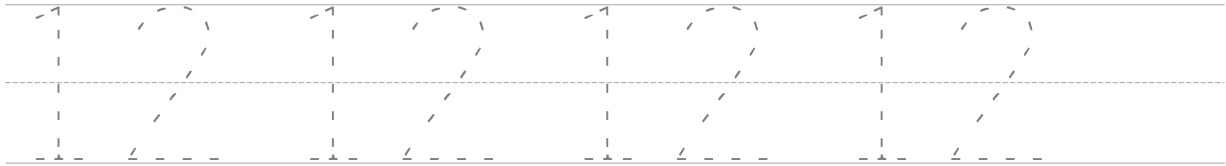
nửa



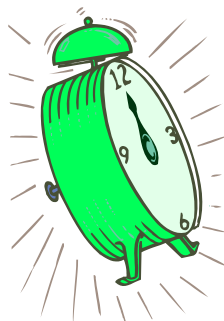
dừa

E. Tập viết số 12

mười hai



Blank lines for writing practice, including solid top and bottom lines and a dashed middle line.



R r S s

A. Tập viết

R R R R R R R R R R

r r r r r r r r r r

B. Tập đọc

Ra Rá Rà rẻ rẽ

Ru Rú Rù rồ rỗ

C. Tập viết

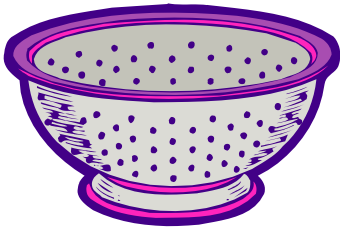
rú

rù

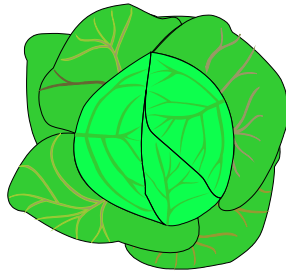
rủ

rũ

rụ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

rổ



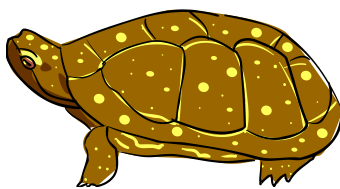
rau



râu



rồng



rùa



ruồi

Đ. Tập viết

S S S S S S S S

S S S S S S S S S

E. Tập đọc

Sa Sá Sà Sỉ Sĩ Sị
sô sồ sỗ sỏ sỡ sộ

G. Tập viết

sô

sồ

sỗ

sỏ

sỡ

H. Tập đọc

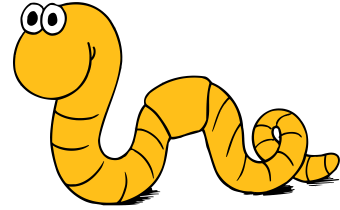
Đọc tên những hình sau đây:



sao



sách



con sâu



con sóc

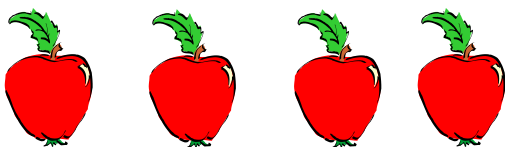
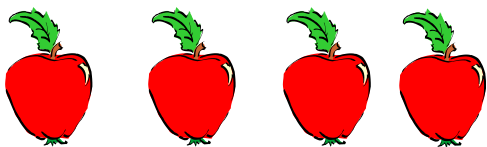


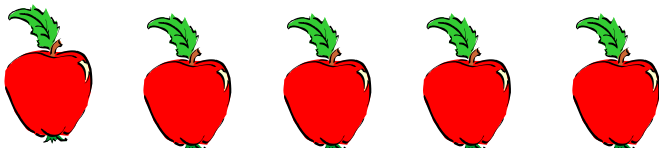
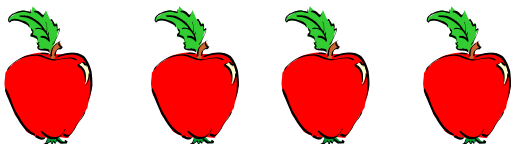
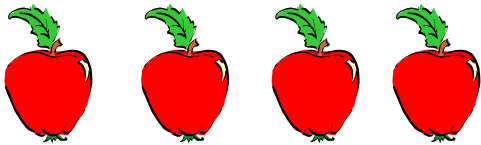
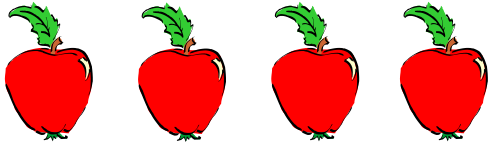
sữa



con sò

I. Đếm những trái táo và viết số bên cạnh





T t V v

A. Tập viết

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

B. Tập đọc

Tơ Tớ Tờ Tở Tổ Tợ

Tư Tú Từ TửỮ TỰ

C. Tập viết

tớ

tờ

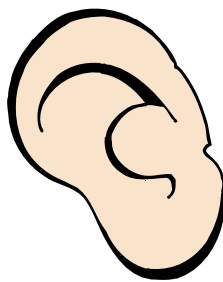
tả

tã

tạ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

tã



tai



tay



tim

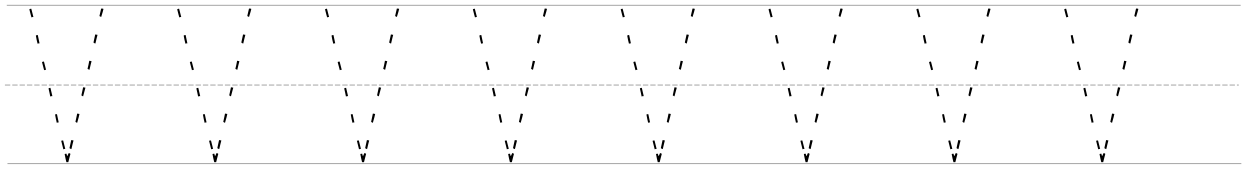


tàu



tủ

Đ. Tập viết



E. Tập đọc

Vi Vĩ Vĩ Vĩ Vĩ Vĩ

Ve Vé Vè Vẻ Vẽ Vẹ

G. Tập viết

ví

vì

vỉ

vỗ

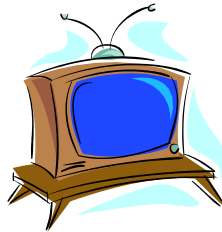
vộ

H. Tập đọc

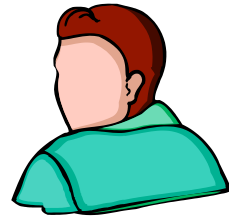
Đọc tên những hình sau đây:



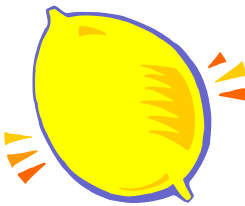
va li



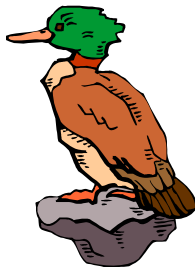
ti vi



vai



màu vàng

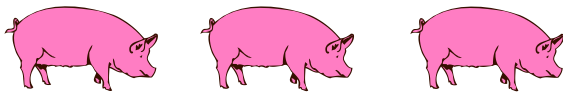


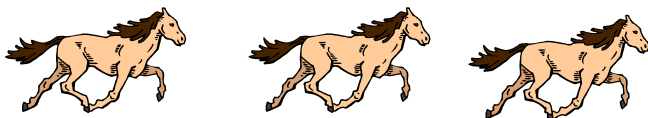
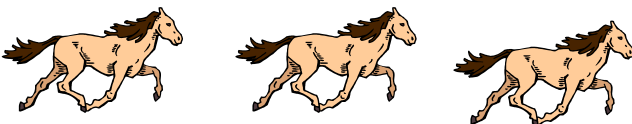
vịt

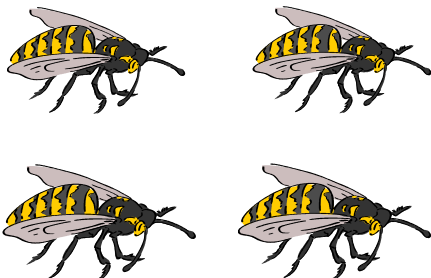
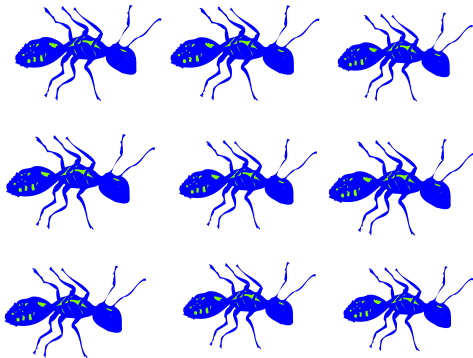
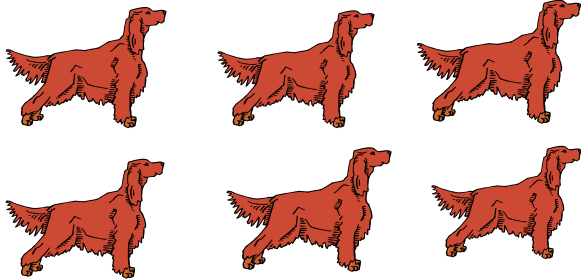
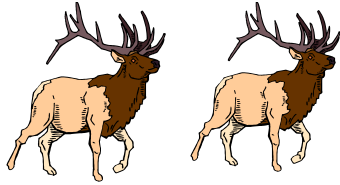


vẽ

I. Đếm những thú vật và viết số bên cạnh

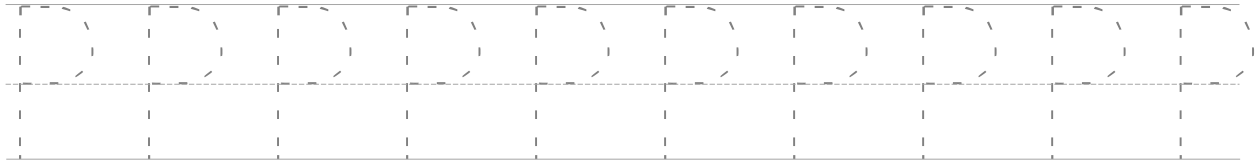




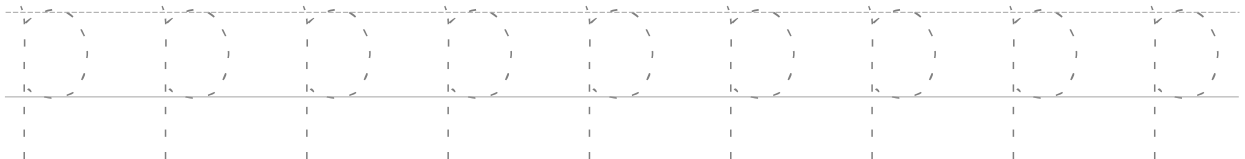


P p ph

A. Tập viết



Two sets of empty three-line grids (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent handwriting practice.



Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) repeated twice.

Handwriting practice for the letter 'n' on lined paper. The letter 'n' is shown five times in a dashed format for tracing, with a small arrow indicating the starting point and direction of the stroke.

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) repeated twice.

Handwriting practice for the letter 'o' on lined paper. The letter 'o' is shown five times in a dashed format for tracing, with a small arrow indicating the starting point and direction of the stroke.

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) repeated twice.

B. Tập đọc

Pha Phá Phà Phả
Phễ Phệ Phủ Phụ
phe phè phỗ phở
phi phí phì phị

C. Tập viết

phá

phà

phả

phụ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



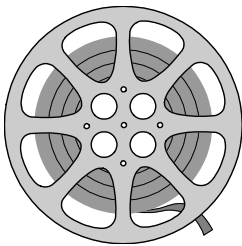
phở



pháo



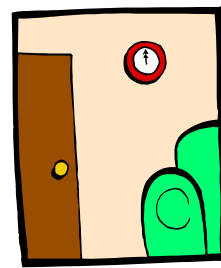
phao



phim



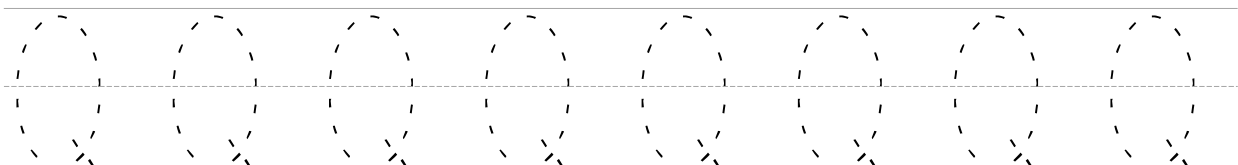
phấn



phòng

Đ. Tập viết

Q q qu



o o o o o o o o o o

ou ou ou ou ou

qu qu qu qu qu

E. Tập đọc

Qua Quá Quà Quở

Quạ Que Què Quẻ

G. Tập viết

quẻ

quà

quả

quạ

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

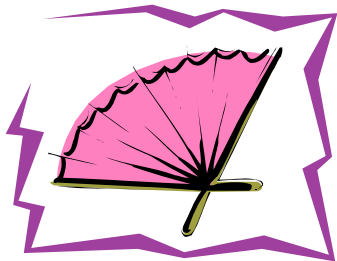
quả cam



quà



quạ



quạt

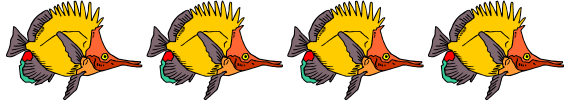


quẹt



quần

I. Đếm những con cá và viết số bên cạnh







Ă ă

Â â

A. Tập viết

Ă

ă

Â

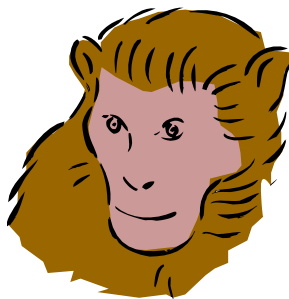
â

B. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



mắt



mặt



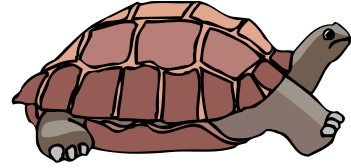
rắn



mật ong



bần



chậm

C. Tập viết

mắt

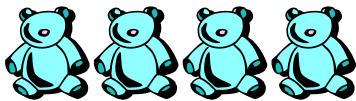
mật

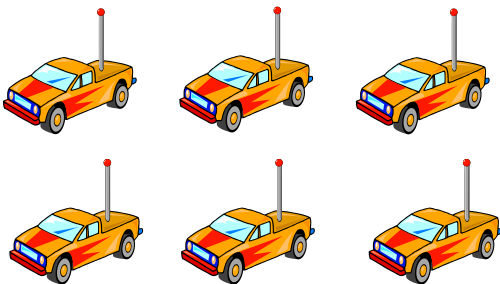
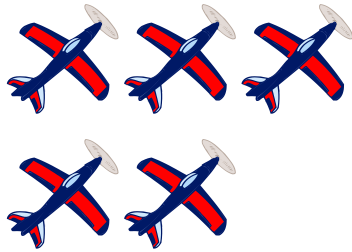
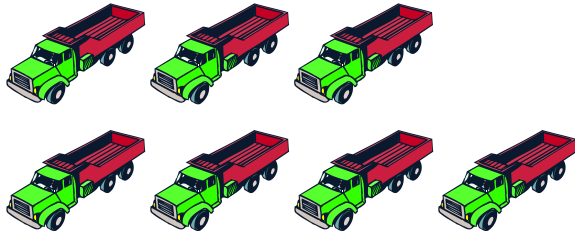
mật

mật

bần

D. Đếm những đồ chơi và viết số bên cạnh





Bài học 18

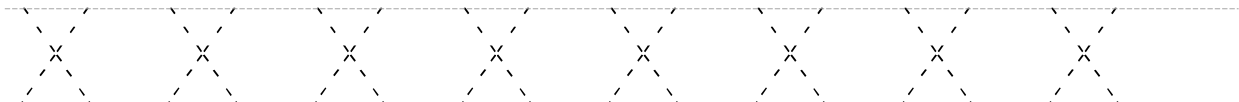
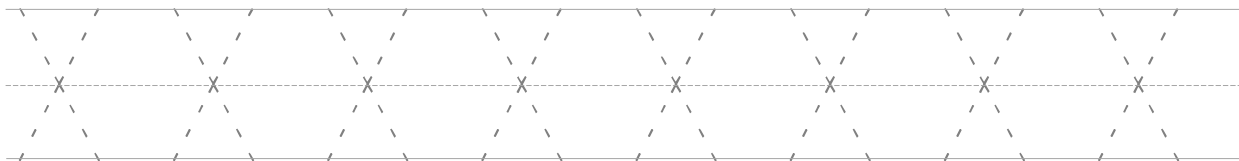
X

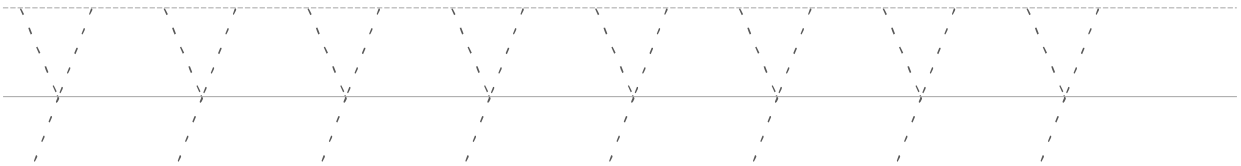
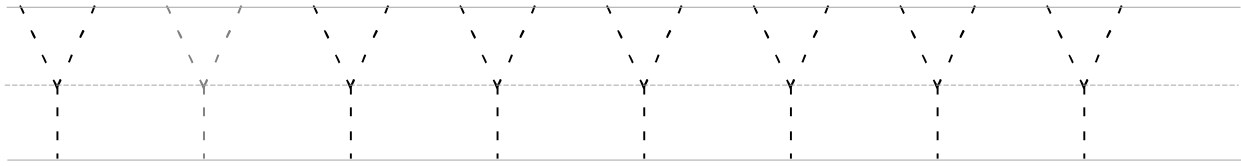
x

Y

y

A. Tập viết





B. Tập đọc

Xa Xá Xà Xả Xã Xạ

Xe Xé Xẻ Xỉ Xị

xô xỏ xơ xờ xo xó

xu xù xử xứ

ký kỳ kỷ kỹ kỵ

Ly Lý Mỹ My

quy quý quỷ quỹ

C. Tập viết

xá

xà

xả

xã

xạ

ký

kỳ

kỷ

kỹ

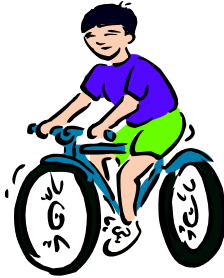
kỵ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



xà bông



xe đạp



xoài



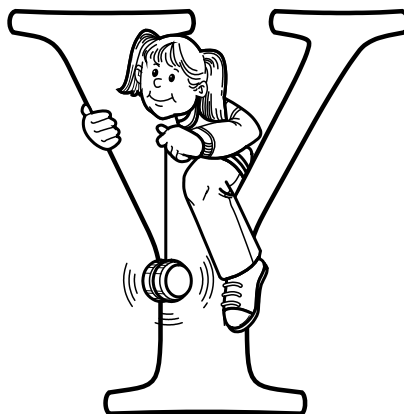
xôi



ly



Mỹ



E. Đếm đồ chơi và viết số bên dưới









